

## CẢM THỨC ĐỊA HÌNH BẰNG PHẪNG TRONG TÁC PHẨM CỦA SƠN NAM

Trần Văn Nam

Có một câu hát ru con Miền Nam, thoáng nghe qua làm cho ta cảm nhận lơ mơ về điều gì đã xảy ra hình như là trôi giạt, hình như người xa người, hình như mưa bão trên địa hình mênh mang. Biết qua từ một bài biên khảo, ta thấy lời bàn về xuất xứ câu hát ru con này (gồm hai bài) chỉ đề cập đến Châu Đốc, như không bàn gì tới bài thứ hai nhắc nhở miền Gò Công. Bài hát thứ hai gợi nhớ đến Gò Công chứa đựng chứng tích khủng khiếp của “Trận Bão Năm Thìn” quét vào vùng hạ lưu sông Cửu Long, xảy ra cuối thập niên ba mươi của thế kỷ trước:

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc  
Gió nào độc cho bằng gió Gò Công  
Thổi lên cho lạc vợ xa chồng  
Đêm năm canh thao thức, nước mắt hồng tuôn rơi.*

Thi sĩ Bằng Bá Lân cho rằng câu hát ru con này xuất xứ từ thời dân phu đi đào kinh Vĩnh Tế làm tuyến chiến lược cho đường nước thông thương từ sông Hậu Giang ra vịnh Thái Lan và phát triển kinh tế cho vùng biên giới Việt Miên nhờ nối liền Châu Đốc với Hà Tiên (từ Châu Đốc đến Tân Châu bên bờ Tiền Giang thì lại có một con kinh đào khác nối liền). Lời bàn như vậy đã quay ngược thời gian có câu hát, trở lại giữa thế kỷ thứ mười chín, vào những năm cuối đời vua Gia Long bước qua đầu đời vua Minh Mạng, thời có công tác đào kinh Vĩnh Tế do Thoại Ngọc Hầu thống suất. Trên đê cao có cắm những cây sào treo đèn đuốc của dân phu đào kinh, nên mới có hình ảnh đèn thật cao ở miền đồng bằng. Ba câu cuối của bài hát ru con do thi sĩ Bằng Bá Lân trích dẫn hoàn toàn khác hẳn với bài ru con ở trên. Như vậy là có người vùng hạ lưu sông Cửu Long đã thêm thắt câu hát, sửa đổi thời gian tính tiến đến thế kỷ thứ

hai mươi có “Trận Bão Năm Thìn”, thay vì đúng ra câu hát ra đời ở giữa thế kỷ mười chín:

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc  
Đốc nào đốc cho bằng đất Nam Vang  
Một tiếng em than, hai hàng lụy nhỏ  
Có chút mẹ già biết bỏ ai nuôi.*

Dư vang mơ hồ về trôi giạt, trời làm chia ly do gió mưa trên vùng sông nước, khiến ta băng khuâng khi đọc đến bài thơ ghi ở đầu cuốn sách “Hương Rừng Cà Mau” của Sơn Nam. Mỗi lần đọc đều làm cho ta ngỡ ngàng đến một bóng người trôi giạt hơn là một nhân vật giang hồ. Trôi giạt do hoàn cảnh đưa đẩy còn giang hồ do ý hướng tự lựa chọn của người thích phiêu lưu. Người trôi giạt ôm cây đàn và hát điệu “Nói Thơ Lục Vân Tiên”, đó là nhân vật ta thường gặp ở Sài Gòn vào thời chiến tranh trước 1975. Họ ở đâu từ Lục Tỉnh lên Sài Gòn làm nghề hát dạo. Lời hát thường ít có dấu vết chiến tranh mà đậm nét duyên phận bẽ bàng. Nếu đi sâu vào tâm sự, mới hay rằng niềm đau khổ của họ không ít thì nhiều do hậu quả thời thế: có thể do chiến tranh làm tan hoang nhà cửa, chiến tranh làm dang dở việc học hành, chiến tranh làm cho người yêu qua tay người khác. Trăm thứ lý do vì chiến tranh mà cũng có thể thuần túy vì nhân tình thế thái, thời nào cũng vậy. Trong những chiều mưa ở Công Viên Tao Đàn, lẽ nào ta không từng gặp gỡ người hát dạo điển hình ấy cùng con chó trung thành chiếm lấy một góc của căn chòi (kiosque) làm chỗ trú ngụ qua đêm. Ông ôm đàn và hát bản “Duyên Kiếp” của nhạc sĩ Lam Phương khiến cho mọi người đang trú mưa buồn lây cái buồn của người đang thất tình. Những lúc ấy, ta không khỏi liên tưởng đến nhân vật trôi giạt trong bài thơ của Sơn Nam:

*Trong khói sóng mênh mông  
Có bóng người vô danh  
Từ bên này sông Tiền  
Qua bên kia sông Hậu*

*Mang theo chiếc độc huyền  
Điệu thơ Lục Vân Tiên...*

Những câu thơ trên có ma lực mỹ cảm về địa hình bằng phẳng của đồng bằng Nam Bộ, và có ma lực làm ta như bị xâm chiếm bởi sức mạnh thiên nhiên. Ma lực ấy chỉ có khi nào ta liên tưởng đến trận lụt làm trời nước như đều bao la, hoặc có mỹ cảm ngoạn mục chỉ khi nào ta ở trên một vị trí thật cao (như trên trục thẳng) mà nhìn xuống hai dòng sông vĩ đại từ biên giới Việt Miên xuôi chảy về đại dương. Còn như đang ở ngoài bối cảnh mênh mông của trận lụt, hoặc chỉ sinh hoạt đi lại bình thường trên đồng bằng (phố xá, làng mạc, ruộng vườn) thì tầm mắt ta lúc nào cũng vướng mắc, ít khi thấy suốt chân trời thì làm sao có mỹ cảm địa hình bằng phẳng, thì làm sao rung cảm hình bóng nhỏ nhoi của một người từ sông Tiền đi qua bờ sông Hậu. Hình ảnh đón đợi đi qua những chuyến phà mất nhiều thì giờ (mà cũng nhiều thi vị) sau này sẽ trở thành vang bóng với hai cây cầu đồ sộ Mỹ Thuận và Cần Thơ hoàn thành ở đầu thế kỷ thứ hai mươi mốt. Nhà nhiếp ảnh nghệ thuật Trần Công Nhung trong loạt bài “Quê Hương Qua Ống Kính” có nhận xét cảnh trí Miền Bắc và Miền Trung với đồi núi chập chùng, với ghềnh đá ven trùng dương dễ bắt mắt người đi săn ảnh, còn “*Miền Nam cảnh trí mênh mông bình bình, sông nước như xa lộ, thuyền bè như xe cộ trên đường. Nghĩa là không có gì hấp dẫn khách du lịch*” (Trích trong bài Tràm Chim). Đó là vì nhà nhiếp ảnh chưa có dịp từ trên cao nhìn xuống để chụp bắt vẻ ngoạn mục của địa hình bằng phẳng. Đồng bằng trải dài đến tận chân trời, chỗ thì xanh mướt vuông vức của ruộng nương, chỗ thì tụ hội những chòm cây của miệt vườn, chỗ thì làng thôn có bóng người di động, chỗ thì như bức tranh kẻ vạch những đường lộ dài nối liền làng mạc, chỗ thì ngoằn ngoèo những con rạch, chỗ thì thẳng băng những kinh đào... Kể ra thì địa hình như vậy cũng có thể

gây cho ta mối cảm hoài siêu hình của đất trời bao la và con người như hạt bụi. Kể ra thì địa hình như vậy cũng có thể gợi cho ta vẻ mỹ cảm về chân trời, nhất là khi có đàn hạc bay qua: không biết có phải chúng đang trên hành trình vượt trùng dương để đến Úc Châu, hay đang bay về hướng Tây để tới miền đầm lầy Ấn Độ. Nhà thơ Nguyễn Bính có nói về những cánh cò trắng ngàn năm vãng lai trên bầu trời Đồng Tháp Mười. Nhà thơ Lâm Hảo Dũng, trong đêm rằm có hội Long Hoa trên chùa Tây An ở núi Sam Châu Đốc, tưởng tượng chín con rồng của sông Cửu Long đang bơi dưới đồng bằng trên hành trình xuôi về đại dương mà đuôi của chúng thì đang quẫy rục rờ dưới ánh trăng tại Tây An Tự. Tuy nhiên nhà nhiếp ảnh cũng đã có một đồng điệu mỹ cảm như nhà thơ Tô Thùy Yên về những cánh rừng tràm “*xanh mịt mịt*” tới chân trời. Rừng tràm tuy cao hơn ruộng đồng nhưng cũng chỉ trải thảm bao la, không có chỗ cao ngất như núi hay trũng sâu như thung lũng. Mỹ cảm của nhà nhiếp ảnh được ghi nhận như sau: “*Ghe chạy theo một con kênh rộng, mặt nước như mặt gương, rừng tràm soi bóng giữa trời mây bao la thật tuyệt vời. Cố nhìn xem có gì lạ, chỉ có tràm với nước, trời với mây...*” (Trích bài Tràm Chim). Nhưng không có mô tả nào hoành tráng khi ở trên cao nhìn xuống địa hình bằng phẳng bằng những mô tả trong truyện ngắn Mùa Len Trâu và Một Cuộc Biển Dâu trong tác phẩm Hương Rừng Cà Mau của Sơn Nam. Hai truyện ngắn này khởi đăng lần đầu tiên trên tuần báo Nhân Loại vào khoảng giữa thập niên Năm Mười của thế kỷ trước, khoảng năm 1955 hay 1956. Còn nhớ tờ Nhân Loại thuộc khổ báo trung bình, không lớn như nhật báo và không nhỏ như Tạp Chí văn chương, bài của Sơn Nam được minh họa bằng những hình vẽ đen trắng khá lớn, chúng được bắt mắt ngay bởi những nét gây ấn tượng. Như hình ảnh xác người chết được bó lại và treo trên hai chéo cây

cắm giữa mênh mông mùa nước nổi. Những con quạ đen đậu trên những cọc cây bắt chéo đó vì chúng đánh hơi được mùi tử thi. Và mấy trăm con trâu lội nước đưa lên những cặp sừng làm thành một đàn trái nhấp nhô ở chân trời. Thấy gọi cảm ngay với bài thơ giáo đầu “Đậu bến An Giang” của Phan Văn Trị sáng tác từ đầu thời Pháp thuộc, nhắc cho ta biết mùa nước nổi cứ tiếp diễn từ thời ấy cho đến nay. Người Việt đi mở cõi đã sống chung với lũ hàng năm một chu kỳ như vậy từ hơn ba trăm năm rồi. Ngày nay có vấn đề cải tạo cấp bách đồng bằng sông Cửu Long. Một hướng chủ trương đắp đê be bờ vĩ đại để điều hòa nước lũ vào mùa mưa và ngăn nước mặn tràn nội địa vào mùa hạn. Theo hướng này thì nảy sinh vấn đề ô nhiễm môi trường, vì nước bị tù hãm sẽ chứa nhiều thuốc trừ sâu do tăng gia làm lúa nhiều vụ, và do chất thải từ nghề nuôi cá bè phát triển cùng khắp. Lưu lượng sông Cửu Long quá vĩ đại có thể làm vỡ đê gây thiệt hại khủng khiếp; và nếu có bão lớn như từng xảy ra ở Miền Điện vào năm 2008 thì khi nước mặn tràn vào sẽ rút ra rất lâu bởi những con đê đồ sộ, chắc chắn gây úng thủy đồng ruộng với thảm họa đói kém. Một hướng chủ trương cứ để dòng trường giang theo lẽ thiên nhiên từ hàng triệu năm bồi đắp châu thổ mầu mỡ, con người biết sống chung với lũ, sống dựa vào mùa nước nổi đem đến phù sa và dựa vào nguồn cá tôm sinh sôi trong môi trường tự nhiên. Chính hướng này mà nhà thông thái Nguyễn Trường Tộ từ một trăm bốn mươi năm trước đã đánh giá là tốt nhất, và đã lấy làm tiếc đồng bằng sông Hồng từ ngàn năm xưa đã sớm bị đắp đê ngăn lũ (viết dựa theo tài liệu của kỹ sư Nguyễn Minh Quang, thuộc Hội Khoa Học và Kỹ Thuật Việt Nam, trong bài Những Vấn Đề Thủy Lợi Ở Đồng Bằng Sông Cửu Long). Hướng nào đúng thì phải đợi hàng năm mười năm sau mới biết hậu quả. Phó thác theo hướng nào đều là một sự đánh cuộc may rủi đối với

đất nước Việt Nam nói chung, và đối với dân cư đồng bằng sông Cửu Long nói riêng.

Trở lại hai truyện ngắn mang tính chất hoành tráng nói trên của Sơn Nam thì đã có nhiều người trích dẫn khi đề cập đến văn nghiệp của ông, vì vậy trích thêm lần nữa cho độc giả thưởng ngoạn, chắc là một việc lập lại làm choán chỗ bài viết. Xin không lập lại, nhưng cũng cảm thấy tiếc cho vài người chưa đọc, vậy mong người nào chưa biết thì hãy đến với chúng để cùng cảm nhận tính chất bi hùng trong bối cảnh chung đưng giữa người với thiên nhiên vĩ đại, hay đi tìm DVD “Buffalo Boy” của đạo diễn Nguyễn-Võ Nghiêm-Minh đã thể hiện bằng phim truyện dựa vào hai truyện ngắn trên của Sơn Nam. Và ta có dịp chiêm ngưỡng vẻ đẹp của đồng bằng chỉ khi nào đứng ở độ cao trên núi Thất Sơn như Sơn Nam mà nhìn xuống địa hình dưới thấp. Nhất là khi có dịp ở trên ngọn cao nhất vùng Bảy Núi là núi Cấm mà nhìn xuống kinh Vĩnh Tế chạy dọc dài theo biên giới Việt Miên, lúc đó ta sẽ nhận ra tầm lợi hại của con kinh đào chiến lược. Muốn phòng ngự lãnh thổ đất nước và phát triển kinh tế cho vùng biên thì phải làm ra đường biên cương nhân tạo, bằng cách xẻ đất cho nước thông thương từ hai dòng sông lớn trở ra vịnh Thái Lan. Về mỹ cảm địa hình bằng phẳng thì con kinh Vĩnh Tế đã làm thành một vạch thẳng băng do màu trắng của nước chạy giữa màu xanh muôn trùng của đồng lúa tốt tươi, thỉnh thoảng sóng như một tấm thảm bao la hay một đại dương nằm dưới xa thẳm.

Còn như khi chạm đất dưới đồng bằng mà vẫn muốn cảm nhận được vẻ mỹ cảm của địa hình bằng phẳng; muốn không bị vướng mắt bởi vườn cây, bởi chòm xóm, thì ta cần đợi đến mùa gặt lúa đã xong. Nhưng đồng lúa trở ra những gốc rạ vẫn chưa cho ta mỹ cảm mênh mông như vùng cồn cát bao la hay sa mạc hùng vĩ. Sa mạc ngút ngàn như biển chỉ đẹp khi ta

trừu-tượng-hóa nó ra khỏi sự nóng rất chói chang của mặt trời, chỉ còn là một bức tranh tĩnh lặng của nghệ thuật. Đồng ruộng trở ra những gốc rạ cũng vậy, chỉ trở thành “Cánh Đồng Bất Tận” khi trừu-tượng-hóa chúng ra khỏi quang cảnh xơ xác đầy dấu cứt lờm chớm và nhấp nhô rơm rạ úa vàng. Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư đã vượt lên từ bối cảnh không mấy gợi hứng ấy mà hư cấu một truyện tình giang hồ kỳ bạt mang chất hoang dã đồng quê. Phải đợi nữa, cho đến khi nào tất cả đồng ruộng đều đã được cày ải san bằng để chuẩn bị cho ngày gieo lúa sắp tới, lúc ấy mới có địa hình bằng phẳng trong mắt ta. Địa hình hoàn toàn bằng phẳng như vậy lại phải trừu-tượng-hóa nó ra khỏi cảm giác bình bình buồn tẻ, bằng cái nhìn nghệ-thuật-hóa để trở thành tác phẩm hùng vĩ của gào thét gió lộng chẳng hạn; hay trên bao la đất ải san bằng có vầng thái dương từ từ nhô lên ở chân trời gợi hứng đến tác phẩm nói về chu kỳ phải đổ công sức để được mùa màng. Nhà Văn Sơn Nam đã để lại cho đời thêm một bức bích họa hùng vĩ dị thường nữa, mình thì có cái đẹp chốn địa hình bằng phẳng. Lần này thì mỹ cảm không ở trên cao nhìn xuống, mà từ chính ngay vị trí đang đứng dưới đồng bằng. Huyền hoặc dị thường thời khẩn hoang ta đã gặp trong bài “Bất Sáu Rừng U-Minh-Hạ”, còn ở đây không huyền hoặc mà thật ly kỳ với cách sinh hoạt thích nghi vào hoàn cảnh “muối kêu như sáo thổi” ở vùng trũng An Giang, thể hiện cái đẹp chịu đựng và khắc phục của con người phải cố gắng tìm cách sinh tồn trong thiên nhiên hoang dã của thời đi tìm đất sống: “*Họ chống chiếc xuồng độc mộc vào vùng đất hoang, giữa bờ biển và vùng Thất Sơn, xa nhà hàng chín mươi cây số ngàn, nơi đất thấp nước phèn, bốn phía đìu hiu không nhà cửa, không cây cao bóng mát, không đất gò, gió thổi triền miên qua vùng đồng cỏ... Trên vùng đất thấp đầy muối mòng ấy, đôi ba đêm liền*

*tiếp người nhỏ bành (một loại cỏ lác, dùng để đan chiếu) cứ thức vì không chỗ ngủ khi muối quá nhiều (nếu dùng xuồng to thì khó di chuyển nơi cỏ và bành mọc mịt mù). Thế là đành ngủ theo lối khác, gọi khôì hài là ngủ mùng gió và ngủ mùng nước. “Ngủ mùng gió” là cứ đứng trên chiếc xuồng độc mộc, dùng sào mà chống thật nhanh để cho muối bay không kịp. Rồi thì ngồi xuống, gói đầu vào lái xuồng, lim dim. lát sau, muối bu lại, cứ đứng dậy và tiếp tục chống xuồng, chống tới, chống lui, như mũi tên xẹt qua xẹt lại trên đồng cỏ, để chờ khi trời sáng... “Ngủ mùng nước” là nghiêng xuồng cho nước tràn vào gần ngập be, thêm chút nước nữa là chìm. Người nhỏ bành cứ nằm trong xuồng, nước phủ từ phía, đầu gói lên mũi hoặc bánh lái xuồng. Ngâm mình trong nước lạnh suốt đêm là sự thách thức gay go, dễ bị cảm mạo, đòi hỏi một sức khỏe phi thường...”* (Trích trong Văn Minh Miệt Vườn của Sơn Nam).

Xin trích một đoạn thật dài như trên của Sơn Nam thì mới đầy đủ chi tiết một hoạt cảnh lạ thường của thời đi khẩn hoang, còn bây giờ đất nơi này đã được thuần phục để định cư, chắc không còn như cách nay một hai trăm năm. Và đoạn trên hàm chứa cái đẹp tranh đấu của nhân sinh trên vùng đồng bằng hoang địa, chưa phải mỹ cảm đơn thuần trên địa hình bằng phẳng. Nếu có loại nghệ thuật thuần túy ấy, thì đây là thứ mỹ cảm đã được trừu-tượng-hóa ra khỏi địa hình để thể hiện một ghi nhận siêu hình nào đó.

TRẦN VĂN NAM

Walnut, California, tháng 9/2008